

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 23/2020/DS - ST
- Ngày: 28 – 8 - 2020
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh* ".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**.
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Lâm Sễn** - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 và ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST- DS, ngày 28 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST- DS, ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Bà **Nguyễn Mỹ D**, sinh năm: 1976(có mặt)
1.2. Ông **Trần Tấn L**, sinh năm: 1978(có mặt)

Địa chỉ: ấp A Th, xã B A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: 2.1. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1973 (có mặt)

HKTT: ấp Minh C, xã V Kh Đ, huyện An Minh, Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: A B, xã B A, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

- 2.2. Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm: 1991 (có mặt)

HKTT: ấp A N, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: A B, xã B A, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D và ông Trần Tấn L trình bày như sau:

Vào ngày 26/01/2017(AL) vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị B vay số tiền 20.000.000đ có làm biên nhận ngày 26/01/2017(AL).

Vào ngày 28/12/2017(AL) ông bà tiếp tục cho vợ chồng ông Ng, bà B vay số tiền 165.000.000đ có làm biên nhận ngày 28/12/2017(AL).

Vào ngày 06/6/2018(AL) ông bà tiếp tục cho vợ chồng ông Ng, bà B mượn số tiền là 60.000.000đ, có làm biên nhận ngày 06/6/2018(AL)

Vào ngày 08/6/2019(AL) ông bà tiếp tục cho vợ chồng ông Ng, bà B mượn số tiền là 10.000.000đ, có làm biên nhận ngày 08/6/2019(AL).

Trong thời gian từ tháng 04/2019(AL) đến tháng 06/2019(AL) vợ chồng ông Ng, bà B có nhờ ông bà đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng ông Ng, bà B mua đồ tại tạp hóa Nguyên Phú, địa chỉ ở chợ T C, xã B A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang với số tiền bảo lãnh là 39.813.000đ. Đến nay ông bà đã thanh toán số tiền trên cho tiệm tạp hóa Nguyên Phú nhưng vợ chồng ông Ng, bà B vẫn chưa trả cho ông bà số tiền bảo lãnh này.

Tổng số tiền vợ chồng ông Ng, bà B nợ ông bà tổng cộng là 294.813.000đ, trong đó tiền mượn là 255.000.000đ, tiền bảo lãnh mua đồ tại tạp hóa Nguyên Phú là 39.813.000đ.

Đến nay vợ chồng ông Ng, bà B đã thanh toán được cho vợ chồng ông bà số tiền là 30.000.000đ theo biên nhận ngày 26/01/2017(AL) và biên nhận ngày 08/6/2019(AL). Tuy nhiên trong đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 do ông bà nhớ không rõ nên ông bà nói vợ chồng ông Ng, bà B chỉ thanh toán cho vợ ông bà là 22.000.000đ nên trong đơn khởi kiện ông bà yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà B có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà tổng cộng số tiền là 172.813.000đ (294.813.000đ – 22.000.000đ) nhưng thật tế ông Ng, bà B trả cho ông bà được 30.000.000đ nên vợ chồng ông Ng, bà B nợ vợ chồng bà số tiền là 264.813.000đ. Đối với số tiền 60.000.000đ theo biên nhận ngày 06/6/2018(AL) nay ông L, bà D xin rút đối với số tiền 60.000.000đ, tổng cộng ông L, bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 68.000.000đ, nay ông L, bà D chỉ yêu cầu ông Ng, bà B có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 204.

813.000đ, gồm số tiền mượn là 165.000.000đ theo biên nhận ngày 28/12/2017(Al) và tiền bảo lãnh với tạp hóa Nguyên Phú số tiền là 39.813.000đ

- **Tại phiên tòa hôm nay** ông Trần Tấn L và bà Nguyễn Thị B có yêu: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền là 204. 813.000đ, gồm số tiền vay là 165.000.000đ theo biên nhận ngày 28/12/2017(Al) và tiền bảo lãnh với tạp hóa Nguyên Phú số tiền là 39.813.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông L, bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 68.000.000đ, trong đó 60.000.000đ theo biên nhận ngày 06/6/2018(AL), và 8.000.000đ theo biên nhận ngày 26/01/2017(Al).

2. Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị B trình bày: Ông Ng, bà B xác nhận ông bà có vay tiền của ông L, bà D nhiều lần, đến ngày 28/12/2017(AL) ông bà làm biên nhận thừa nhận có nợ của vợ chồng ông L, bà B số tiền là 165.000.000đ, đối với số tiền này thì ông bà thừa nhận hiện nay còn nợ vợ chồng ông L, bà D số tiền này. Ông Ng, bà B thống nhất trả số tiền 165.000.000đ cho vợ chồng ông L, bà D mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Đối với số tiền 10.000.000đ theo biên nhận ngày 08/6/2017(AL) và số tiền 20.000.000đ theo biên nhận ngày 26/01/2017(AL) thì vợ chồng ông bà có mượn của vợ chồng ông L, bà B là thật nhưng đến nay ông bà đã thanh toán cho ông L, bà B rồi. Đối với số tiền 60.000.000đ theo biên nhận ngày 06/6/2018(Al) thì vợ chồng ông bà bày không có nợ và cũng không biết số tiền này nên ông bà không đồng ý trả cho vợ chồng ông L, bà D.

Riêng số tiền 39.813.000đ, ông Ng, bà B xác nhận trong năm 2019 ông bà có nhờ vợ chồng ông L, bà D đứng ra bảo lãnh để ông bà mua đồ cho ngư phủ tại tạp hóa Nguyên Phú, ở chợ Tắc Cậu, xã B A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là thật. Lý do ông bà nhờ vợ chồng ông L, bà B đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng ông bà vì thời điểm hiện tại vợ chồng ông bà không thể mua thiếu tại tạp hóa Nguyên Phú được. Trước đây vợ chồng ông bà tự đi mua tại tạp hóa Nguyên Phú nhưng do trong quá trình mua bán vợ chồng ông bà mất uy tín với tạp hóa nên tạp hóa Nguyên Phú không bán thiếu cho vợ chồng ông nữa nên ông bà mới nhờ vợ chồng ông L, bà D đứng ra bảo lãnh cho ông bà. Tuy nhiên khi bà Dung,

ông Liêm đưa được người của ông bà xuống ghe biển, khi chủ nghe đưa tiền thì bà Dung đã trừ lên số tiền mà bà D, ông L đứng ra bảo lãnh cho ông bà mua đồ tại tạp hóa Nguyên Phú. Ông Nghị, bà Bông xác nhận việc ông Liêm, bà Dung đã trừ lên số tiền ông bà nhờ vợ chồng ông Liêm, bà Dung mua đồ thì ông bà không bắt bà D, ông L làm biên nhận và cũng không ai chứng kiến hay biết cả, chỉ có vợ chồng ông bà và vợ chồng ông L, bà D biết với nhau nên ông bà không có gì chứng minh cả.

- **Tại phiên tòa hôm nay ông Ng, bà B có yêu cầu:** Thừa nhận hiện nay còn nợ vợ chồng ông L, bà D số tiền 165.000.000đ theo biên nhận ngày 28/12/2017(A1) đồng ý trả cho ông L, bà D mỗi tháng 5.000.000đ đến khi dứt nợ.

Đối với số tiền 39.813.000đ ông bà xác nhận có nhờ vợ chồng L, bà D đứng ra bảo lãnh để vợ chồng ông bà mua đồ cho ngư phủ là thật nhưng khi ngư phủ xuống ghe biển thì bà D, ông L đã lấy lên số tiền này rồi nên ông bà không đồng ý trả cho ông L, bà D. Tuy nhiên việc ông L, bà D lấy số tiền của ngư phủ để trả tiền cho tạp hóa Nguyên Phú thì ông bà không có gì chứng minh.

* **Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D buộc bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Hữu Ng có trách nhiệm trả cho ông L, bà D số tiền nợ tổng cộng 204.813.000đ, trong đó tiền vay là 165.000.000đ gốc và tiền bảo lãnh 39.813.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D với bị đơn Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị B là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh được quy định tại Điều 335, 336, 340, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên khi xảy ra tranh chấp Toà án áp dụng quy định của Bộ Luật dân sự để giải quyết cho các đương sự.

[3] - Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D với bị đơn Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị B đều xác nhận vào ngày 28/12/2017 (AL) vợ chồng ông Nghị, bà Bông có vay tiền của ông L, bà D số tiền là 165.000.000đ theo biên nhận ngày 28/12/2017(AL). Nay vợ chồng ông N, bà B xin được trả cho ông L, bà D mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên yêu cầu này của ông N, bà B không được ông L, bà D chấp nhận mà ông L, bà D yêu cầu ông Nghị, bà Bông trả nợ cho ông bà trong thời hạn 01 tháng. Do đó nguyên đơn ông L, bà D yêu cầu ông N, bà B có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ trên là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”. Vì vậy, cần xử buộc ông N, bà B trả số tiền nợ trên là hoàn toàn phù hợp.

[4] – Đối với số tiền 39.813.000đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều xác nhận: Trước đây trong quá trình mua hàng hóa cho ngư phủ tại tiệm tạp hóa Nguyên Phú, do vợ chồng ông Nghị, bà Bông mất uy tín với tiệm hóa Nguyên Phú nên tạp hóa Nguyên phú không bán cho vợ chồng ông bà nữa nên ông bà có nhờ vợ chồng ông L, bà D đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng ông bà mua đồ tại tạp hóa Nguyên Phú cho ngư phủ. Nhưng sau khi ngư phủ xuống ghe thì bà D, ông L đã trực tiếp lấy tiền từ chủ ghe và có tính luôn phần tiền mà bà D, ông L đứng ra bảo lãnh cho ngư phủ của ông bà mua đồ tại tạp hóa Nguyên Phú do đó ông bà không còn nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền này nữa nên không đồng ý trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2020 bà Nguyễn Kiều Diễm là chủ tạp hóa Nguyên Phú xác nhận: Xác nhận trước đây tiệm tạp hóa của bà có bán đồ thiếu cho vợ chồng ông Nghị, bà Bông để cho ngư phủ đi ghe biển nhưng do vợ

chồng ông N, bà B làm ăn không tốt nên bà không bán cho vợ chồng ông N, bà B nữa. Đến đầu năm 2019 vợ chồng ông N, bà B có nhờ vợ chồng ông L, bà D đứng ra bảo lãnh cho ông N, bà B mua đồ thì bà mới bán. Qua nhiều lần bán tổng số tiền bà B, ông N mua thiếu là 39.813.000đ, đến nay số tiền vợ chồng ông L, bà D đã thanh toán cho bà rồi nên bà không yêu cầu, không tranh chấp còn vợ chồng ông Ng, bà B trả số tiền trên cho ông L bà D chưa thì bà không biết.

Việc ông Ngh, bà B cho rằng bà D, bà L đã lấy số tiền từ ngư phủ của bà để trả tiền cho tiệm tạp hóa rồi nên ông bà không có trách nhiệm trả số tiền này nữa nhưng ông Ngh, bà B không có gì chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở hơn nữa sự việc này bà D, ông L không thừa nhận.

Theo quy định tại Điều 340 Luật dân sự : “ *Bên bảo lãnh có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Từ những nhận định nêu trên nên HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 39.813.000đ mà nguyên đơn đứng ra bảo lãnh cho bị đơn mua hàng hóa tại tạp hóa Nguyên Phú.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 204.813.000đ, trong đó tiền vay là 165.000.000đ, tiền bảo lãnh mua hàng hóa là 39.813.000đ, các bên không yêu cầu tính lãi suất nên miễn xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận nên HĐXX ghi nhận.

[6] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể số tiền tranh chấp $204.813.000đ \times 5\% = 10.240.650đ$.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.820.000 đồng theo biên lai thu tiền số : 0002225, ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 335, 336, 340, 463, 466, 468 Bộ dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D.

1. Buộc bị đơn Nguyễn Hữu Ngh, bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D, ông Trần Tấn L số tiền 204.813.000đ (hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm mười ba ngàn đồng), trong đó tiền mượn là 165.000.000đ, tiền bảo lãnh mua hàng hóa tại tạp hóa Nguyễn Phú là 39.813.000đ, các bên không yêu cầu tính lãi suất (nên miễn xét)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu Ngh, bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể số tiền tranh chấp $204.813.000đ \times 5\% = 10.240.650đ$ (mười triệu hai trăm bốn mươi ngàn sáu trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Mỹ D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.820.000 đồng theo biên lai thu tiền số : 0002225, ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND Tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS Huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách